



**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải
Khát Sài Gòn và các công ty con**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020



Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn
Thông tin về Tổng Công ty

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Doanh nghiệp số**

0300583659

ngày 29 tháng 2 năm 2012

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0300583659 ngày 18 tháng 5 năm 2020. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Koh Poh Tiong	Chủ tịch
Ông Pramoad Phornprapha	Thành viên
Ông Nguyễn Tiến Vy	Thành viên
Ông Michael Chye Hin Fah	Thành viên
Bà Trần Kim Nga	Thành viên
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Thành viên
Ông Lương Thanh Hải	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Neo Gim Siong Bennett	Tổng Giám đốc
Ông Teo Hong Keng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Ng Kuan Ngee Melvyn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lâm Du An	Phó Tổng Giám đốc
	Giám đốc Nhà máy
	Bia Sài Gòn - Nguyễn Chí Thanh
Ông Hoàng Đạo Hiệp	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm toán

Ông Pramoad Phornprapha	Trưởng ban Kiểm toán
Ông Nguyễn Tiến Vy	Thành viên
Ông Michael Chye Hin Fah	Thành viên

Người đại diện theo pháp luật

Ông Koh Poh Tiong	Chủ tịch
Ông Neo Gim Siong Bennett	Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Số 187, Đường Nguyễn Chí Thanh
Phường 12, Quận 5
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 67 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc 



Neo Gim Siong Bennett
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2020



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn (“Tổng Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 28 tháng 8 năm 2020, được trình bày từ trang 5 đến trang 67.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 20-01-00362-20-2



Hà Vũ Định

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0414-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Nghi

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0304-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2020

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

Mẫu B 01a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		18.413.850.495.012	19.164.602.511.633
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	7	4.864.813.951.649	4.115.884.646.637
Tiền	111		1.521.757.352.970	953.478.997.565
Các khoản tương đương tiền	112		3.343.056.598.679	3.162.405.649.072
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		11.165.486.789.096	12.393.226.750.273
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	8(a)	11.165.486.789.096	12.393.226.750.273
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		696.475.952.856	568.608.377.917
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	9	305.257.999.833	157.654.572.653
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		42.027.030.769	54.679.363.371
Phải thu ngắn hạn khác	136	10(a)	695.380.726.202	702.587.109.178
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11(a)	(346.189.803.948)	(346.312.667.285)
Hàng tồn kho	140	12(a)	1.563.239.928.847	1.967.137.719.907
Hàng tồn kho	141		1.750.219.687.545	2.169.540.753.708
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(186.979.758.698)	(202.403.033.801)
Tài sản ngắn hạn khác	150		123.833.872.564	119.745.016.899
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13(a)	106.390.368.015	97.129.905.121
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		14.429.016.759	18.203.862.026
Thuế phải thu Nhà nước	153	20(b)	3.014.487.790	4.411.249.752

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		7.745.498.181.277	7.797.873.582.412
Các khoản phải thu dài hạn	210		6.506.578.029	9.110.080.970
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		6.005.003.018	6.005.003.018
Phải thu về cho vay dài hạn	215		4.000.000.000	4.000.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	10(b)	35.891.988.834	38.495.491.775
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	11(b)	(39.390.413.823)	(39.390.413.823)
Tài sản cố định	220		4.915.522.815.422	4.685.440.455.287
Tài sản cố định hữu hình	221	14	3.974.094.934.428	3.743.642.558.190
Nguyên giá	222		10.707.915.276.656	10.190.230.853.202
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.733.820.342.228)	(6.446.588.295.012)
Tài sản cố định vô hình	227	15	941.427.880.994	941.797.897.097
Nguyên giá	228		1.095.667.032.236	1.091.733.605.211
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(154.239.151.242)	(149.935.708.114)
Bất động sản đầu tư	230	16	66.509.360.053	58.433.154.033
Nguyên giá	231		92.668.621.947	80.830.516.128
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(26.159.261.894)	(22.397.362.095)
Tài sản dở dang dài hạn	240		52.831.988.294	307.773.703.264
Xây dựng cơ bản dở dang	242	17	52.831.988.294	307.773.703.264
Đầu tư tài chính dài hạn	250		2.203.520.608.908	2.162.738.822.723
Đầu tư vào các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát	252	8(c)	1.922.676.923.135	1.878.458.174.350
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253	8(c)	665.885.700.116	665.885.700.116
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	8(c)	(435.910.894.248)	(435.473.931.648)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	8(b)	50.868.879.905	53.868.879.905
Tài sản dài hạn khác	260		500.606.830.571	574.377.366.135
Chi phí trả trước dài hạn	261	13(b)	296.388.205.207	328.604.633.780
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	18	179.718.463.139	214.736.310.715
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	12(b)	24.500.162.225	31.036.421.640
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		26.159.348.676.289	26.962.476.094.045

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		6.417.635.456.293	6.886.229.037.681
Nợ ngắn hạn	310		5.573.385.094.445	6.087.830.053.039
Phải trả người bán ngắn hạn	311	19(a)	1.754.556.155.533	2.427.067.853.887
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		101.091.796.404	42.587.372.642
Thuế phải nộp Nhà nước	313	20(a)	1.129.027.109.772	855.960.013.165
Phải trả người lao động	314		338.473.846.404	389.618.575.865
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	21	588.847.011.988	433.170.981.720
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		880.260.289	930.242.260
Phải trả ngắn hạn khác	319	22(a)	977.080.900.715	1.079.347.828.644
Vay ngắn hạn	320	23(a)	445.912.909.719	560.511.063.296
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		554.312.916	3.710.918.283
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	24	236.960.790.705	294.925.203.277
Nợ dài hạn	330		844.250.361.848	798.398.984.642
Phải trả người bán dài hạn	331	19(b)	88.793.875.350	100.000.000
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		22.183.449	22.183.449
Phải trả dài hạn khác	337	22(b)	54.010.016.000	54.073.316.000
Vay dài hạn	338	23(b)	459.456.327.274	494.244.987.274
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	18	32.968.608.497	30.543.620.073
Dự phòng phải trả dài hạn	342	25	127.298.621.349	135.416.747.716
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		81.700.729.929	83.998.130.130

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		19.741.713.219.996	20.076.247.056.364
Vốn chủ sở hữu	410	26	19.741.713.219.996	20.076.247.056.364
Vốn cổ phần	411	27	6.412.811.860.000	6.412.811.860.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		6.412.811.860.000	6.412.811.860.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		3.208.666.226	3.208.666.226
Chênh lệch tỷ giá quy đổi tiền tệ	417		28.280.595.227	27.272.873.771
Quỹ đầu tư phát triển	418	28	1.122.834.056.347	1.130.372.829.157
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		10.876.152.357.319	11.231.596.467.620
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		9.070.042.671.241	6.485.261.875.965
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		1.806.109.686.078	4.746.334.591.655
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1.298.425.684.877	1.270.984.359.590
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		26.159.348.676.289	26.962.476.094.045

Ngày 28 tháng 8 năm 2020

Người lập:



Hoàng Thanh Vân
Kế toán

Người duyệt:



Trần Nguyên Trung
Kế toán trưởng



Teo Hong Keng
Phó Tổng Giám đốc



Neo Gim Siong Bennett
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020

Mẫu B 02a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 ngày 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	31	12.123.717.948.827	18.517.362.525.225
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	31	79.874.282.171	92.820.389.440
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	31	12.043.843.666.656	18.424.542.135.785
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	32	8.483.488.629.536	13.819.747.312.156
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		3.560.355.037.120	4.604.794.823.629
Doanh thu hoạt động tài chính	21	33	495.775.011.957	371.038.237.486
Chi phí tài chính	22	34	39.184.991.629	9.026.775.201
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>34.545.965.865</i>	<i>13.830.994.903</i>
Phần lãi trong công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát	24	8(c)	98.467.817.737	167.054.719.793
Chi phí bán hàng	25	35	1.354.713.913.074	1.335.854.738.552
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	36	352.992.418.054	349.426.186.759
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		2.407.706.544.057	3.448.580.080.396
Thu nhập khác	31		14.898.404.929	19.838.132.087
Chi phí khác	32		4.731.407.046	12.768.622.608
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		10.166.997.883	7.069.509.479
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		2.417.873.541.940	3.455.649.589.875
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	38	447.757.034.053	635.585.479.716
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	38	37.442.836.000	65.165.621
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang trang sau)	60		1.932.673.671.887	2.819.998.944.538

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 02a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 ngày 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang từ trang trước sang)	60		1.932.673.671.887	2.819.998.944.538
Trong đó:				
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		1.864.690.552.970	2.658.458.475.046
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		67.983.118.917	161.540.469.492
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	39	2.819	3.971

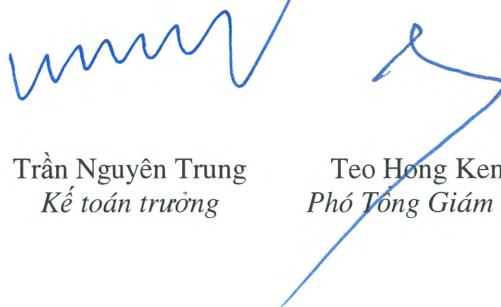
Ngày 28 tháng 8 năm 2020

Người lập:



Hoàng Thanh Vân
Kế toán

Người duyệt:



Trần Nguyên Trung
Kế toán trưởng

Teo Hong Keng
Phó Tổng Giám đốc



Neo Gim Siong Bennett
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		2.417.873.541.940	3.455.649.589.875
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		295.052.635.671	318.423.774.642
Các khoản dự phòng	03		(4.098.519.996)	(5.483.198.504)
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(151.486.242)	214.283.030
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(463.351.612.927)	(366.615.421.200)
Phần lãi trong công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát	05		(98.467.817.737)	(167.054.719.793)
Chi phí lãi vay	06		34.545.965.865	13.830.994.903
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		2.181.402.706.574	3.248.965.302.953
Biến động các khoản phải thu	09		(161.849.232.003)	89.714.538.544
Biến động hàng tồn kho	10		413.657.119.166	271.396.333.351
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(284.453.378.961)	(487.774.595.102)
Biến động chi phí trả trước	12		23.027.665.679	153.751.548.421
			2.171.784.880.455	3.276.053.128.167
Tiền lãi vay đã trả	14		(35.627.002.965)	(13.989.983.782)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(471.922.362.613)	(638.009.022.392)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(89.955.745.467)	(249.751.255.295)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.574.279.769.410	2.374.302.866.698

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21		(162.493.363.028)	(52.736.548.482)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		672.000.000	2.093.200.000
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn	23		(6.140.095.041.096)	(5.176.057.177.678)
Tiền thu từ tiền gửi có kỳ hạn	24		7.370.835.002.273	3.673.006.397.122
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		545.598.258.442	387.200.605.497
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1.614.516.856.591	(1.166.493.523.541)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		1.194.925.740.511	1.538.397.108.138
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.344.312.554.088)	(1.801.105.207.567)
Tiền chi trả cổ tức	36		(2.290.337.652.007)	(108.777.468.402)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(2.439.724.465.584)	(371.485.567.831)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		749.072.160.417	836.323.775.326
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		4.115.884.646.637	4.467.391.585.137
Ảnh hưởng thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		(142.855.405)	8.662.766
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	7	4.864.813.951.649	5.303.724.023.229

Ngày 28 tháng 8 năm 2020

Người lập:



Hoàng Thanh Vân
Kế toán



Trần Nguyên Trung
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Teo Hong Keng
Phó Tổng Giám đốc



Neo Gim Siong Bennett
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020**

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn (“Tổng Công ty”) được thành lập dưới hình thức Tổng Công ty Nhà nước theo Quyết định số 74/2003/QĐ-BCN do Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) ban hành ngày 6 tháng 5 năm 2003 trên cơ sở tổ chức lại Công ty Bia Sài Gòn và chuyển các đơn vị bao gồm Công ty Rượu Bình Tây, Công ty Nước Giải khát Chương Dương và Công ty Thủy tinh Phú Thọ thành các đơn vị thành viên của Tổng Công ty. Vào ngày 11 tháng 5 năm 2004, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp ban hành Quyết định số 37/2004/QĐ-BCN tái cơ cấu lại Tổng Công ty theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Hoạt động của Tổng Công ty được cấp phép theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 4106000268 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 1 tháng 9 năm 2006.

Tổng Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1862/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ và được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 4103010027 vào ngày 17 tháng 4 năm 2008. Tại ngày này, Tổng Công ty dưới hình thức là công ty cổ phần mới thành lập đã nhận bàn giao toàn bộ tài sản và nợ phải trả từ Tổng Công ty Nhà nước.

Cổ phiếu của Tổng Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là “SAB” theo Quyết định Niêm yết số 470/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25 tháng 11 năm 2016.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 bao gồm Tổng Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) và lợi ích của Tập đoàn trong các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tập đoàn là sản xuất và kinh doanh bia, rượu, nước giải khát và các sản phẩm liên quan, bao gồm vật liệu và bao bì; cung cấp dịch vụ vận tải, hậu cần và kho bãi; sản xuất sản phẩm cơ khí, xây dựng kết cấu thép, và cung cấp dịch vụ cơ khí lắp đặt; và xây dựng và cung cấp dịch vụ bất động sản.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Tập đoàn có 26 công ty con và 18 công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát (1/1/2020: 26 công ty con và 18 công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát), chi tiết như sau:

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

STT	Tên công ty	Hoạt động chính	30/6/2020		1/1/2020	
			% quyền sở hữu	% quyền biểu quyết	% quyền sở hữu	% quyền biểu quyết
I	Công ty con					
1	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây	Sản xuất và kinh doanh bia	51%	51%	51%	51%
2	Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương	Sản xuất, kinh doanh nước giải khát, đồ hộp và phụ liệu	62,06%	62,06%	62,06%	62,06%
3	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi	Sản xuất và kinh doanh bia	66,56%	66,56%	66,56%	66,56%
4	Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây	Sản xuất và kinh doanh rượu	93,32%	93,47%	93,32%	93,47%
5	Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân	Sản xuất và kinh doanh bia và nước giải khát có ga	55,90%	56,24%	55,90%	56,24%
6	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh	Sản xuất và kinh doanh bia, rượu và nước giải khát	54,73%	54,73%	54,73%	54,73%
7	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam	Sản xuất và kinh doanh bia và nước giải khát; xuất nhập khẩu các nguyên vật liệu liên quan	68,78%	68,78%	68,78%	68,78%
8	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội	Sản xuất và kinh doanh bia và nước giải khát; xuất nhập khẩu các nguyên vật liệu liên quan	52,11%	52,11%	52,11%	52,11%
9	Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn	Kinh doanh bia, rượu và nước giải khát	100%	100%	100%	100%
10	Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Bắc	Kinh doanh bia, rượu và nước giải khát; cung cấp dịch vụ vận chuyển hàng hóa và cho thuê kho bãi	94,72%	94,72%	94,72%	94,72%
11	Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Bắc Trung Bộ	Kinh doanh bia, rượu và nước giải khát; cung cấp dịch vụ vận chuyển hàng hóa và cho thuê kho bãi	95,07%	95,07%	95,07%	95,07%
12	Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Trung tâm	Bán buôn bia, đồ uống có cồn; bán buôn đồ uống không có cồn; bán buôn hóa chất khác, cồn; mua bán bao bì; kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô	94,42%	94,42%	94,42%	94,42%
13	Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Trung	Kinh doanh bia, rượu và nước giải khát; kinh doanh kho bãi và dịch vụ vận tải hàng hóa bằng ô tô	91,24%	91,24%	91,24%	91,24%

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

STT	Tên công ty	Hoạt động chính	30/6/2020		1/1/2020	
			% quyền sở hữu	% quyền biểu quyết	% quyền sở hữu	% quyền biểu quyết
14	Công ty Cổ phần Thương Mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên	Kinh doanh bia, rượu và nước giải khát; cung cấp dịch vụ kho bãi và dịch vụ vận chuyển	90%	90%	90%	90%
15	Công ty Cổ phần Thương Mại Bia Sài Gòn Nam Trung Bộ	Kinh doanh bia, rượu và nước giải khát; cung cấp dịch vụ kho bãi và dịch vụ vận chuyển	90,14%	90,14%	90,14%	90,14%
16	Công ty Cổ phần Thương Mại Bia Sài Gòn Miền Đông	Kinh doanh bia, rượu và nước giải khát; cung cấp dịch vụ vận chuyển hàng hóa đường bộ và đường thủy	90,68%	90,68%	90,68%	90,68%
17	Công ty Cổ phần Thương Mại Bia Sài Gòn Sông Tiền	Kinh doanh bia, rượu và nước giải khát; cung cấp dịch vụ cho thuê kho bãi; cung cấp dịch vụ vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ	90%	90%	90%	90%
18	Công ty Cổ phần Thương Mại Bia Sài Gòn Sông Hậu	Kinh doanh bia, rượu và nước giải khát; cung cấp dịch vụ vận chuyển hàng hóa đường bộ và đường thủy	90%	90%	90%	90%
19	Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ khí Sa Be Co	Chế tạo máy móc dùng cho sản xuất thực phẩm; lắp đặt và bảo trì hệ thống máy móc thiết bị	100%	100%	100%	100%
20	Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn Sóc Trăng	Sản xuất và kinh doanh bia, mạch nha ủ lên men, nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai	51%	100%	51%	100%
21	Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Đông Bắc	Kinh doanh bia, rượu và nước giải khát; cung cấp dịch vụ kho bãi và dịch vụ vận chuyển hàng hóa	90,45%	90,45%	90,45%	90,45%
22	Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh	Sản xuất và kinh doanh bia, mạch nha ủ lên men, nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai	100%	100%	100%	100%
23	Công ty Cổ phần Bao bì Bia Sài Gòn	Sản xuất và kinh doanh nắp khoén thiếc và bao bì kim loại, bao bì phục vụ ngành đồ uống thực phẩm	76,81%	76,81%	76,81%	76,81%
24	Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn	Bán buôn bia, rượu và nước giải khát	100%	100%	100%	100%
25	Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Bia Sài Gòn	Bán buôn bia, rượu và nước giải khát	100%	100%	100%	100%
26	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Lâm Đồng	Sản xuất bia, rượu và nước giải khát	52,91%	52,91%	52,91%	52,91%

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

STT	Tên công ty	Hoạt động chính	30/6/2020		1/1/2020	
			% quyền sở hữu	% quyền biểu quyết	% quyền sở hữu	% quyền biểu quyết
II Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát						
1	Công ty TNHH Trung Tâm Mê Linh (*)	Cho thuê và quản lý cao ốc văn phòng	40%	25%	35%	25%
2	Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn	Sản xuất lon nhôm	30%	30%	30%	30%
3	Công ty TNHH Thủy Tinh Malaya Việt Nam	Sản xuất các sản phẩm thủy tinh	30%	30%	30%	30%
4	Công ty TNHH Bao bì San Miguel Yamamura Phú Thọ	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bao bì đóng gói bằng kim loại	35%	35%	35%	35%
5	Công ty TNHH Sản xuất Rượu và Cồn Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh rượu và các sản phẩm nước uống có cồn	45%	45%	45%	45%
III Công ty liên kết						
6	Công ty Cổ phần Tư Vấn Đầu tư - Thiết kế và Chuyển giao Công nghệ Thành Nam	Tư vấn xây dựng và thiết kế	28,57%	28,57%	28,57%	28,57%
7	Công ty Cổ phần Kinh doanh Lương thực - Thực phẩm Trường Sa	Sản xuất sản phẩm nông nghiệp và thực phẩm	38,62%	38,98%	38,62%	38,98%
8	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ	Sản xuất và kinh doanh bia, rượu và nước giải khát	30,84%	33,85%	30,84%	33,85%
9	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung	Sản xuất và kinh doanh bia, rượu, nước giải khát và phụ tùng thay thế	32,40%	32,41%	32,40%	32,41%
10	Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Tân Thành	Xây dựng và kinh doanh bất động sản	29%	29%	29%	29%
11	Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp	Sản xuất, lắp đặt các sản phẩm máy móc cầu đường và xây dựng công nghiệp	26%	26%	26%	26%
12	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long	Sản xuất và kinh doanh bia, rượu và nước giải khát	20%	20%	20%	20%
13	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang	Sản xuất và kinh doanh bia, rượu, nước giải khát và phụ tùng thay thế	20%	20%	20%	20%
14	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Khánh Hòa	Sản xuất và kinh doanh bia, rượu, nước giải khát và phụ tùng thay thế	26%	26%	26%	26%

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

STT	Tên công ty	Hoạt động chính	30/6/2020		1/1/2020	
			% quyền sở hữu	% quyền biểu quyết	% quyền sở hữu	% quyền biểu quyết
15	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre	Sản xuất và kinh doanh bia, rượu và nước giải khát	20%	20%	20%	20%
16	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây	Sản xuất, gia công và kinh doanh thực phẩm, nước giải khát, bia và nước uống có cồn	21,80%	22,18%	21,80%	22,18%
17	Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô	Sản xuất và kinh doanh bia, rượu, nước giải khát, sữa đậu nành và nước ép trái cây	27,62%	34,92%	27,62%	34,92%
18	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	Sản xuất và kinh doanh bia, rượu và nước giải khát	10,2%	20%	10,2%	20%

(*) Quyền sở hữu của Tập đoàn trong liên doanh với Công ty TNHH Trung tâm Mê Linh được quy định tại Hợp đồng Liên doanh ngày 24 tháng 11 năm 1994 giữa Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương (“Chương Dương”), một công ty con của Tổng Công ty, và bên đối tác là Centrepont Properties Ltd., một công ty được thành lập tại Singapore. Tại thời điểm cổ phần hóa Chương Dương vào năm 2014, quyền sở hữu của Hợp đồng Liên doanh này được chuyển giao từ Chương Dương sang Tổng Công ty theo phê duyệt của Bộ Công Nghiệp (nay là Bộ Công Thương). Theo quy định tại Hợp đồng Liên doanh, lợi nhuận được phân chia cho các bên theo lịch biểu quy định trong hợp đồng này. Trong giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020, tỷ lệ lợi ích chia cho Tập đoàn và bên đối tác lần lượt là 40% và 60% (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019: 35% và 65%).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Tập đoàn có 8.001 nhân viên (1/1/2020: 8.017 nhân viên).

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán được áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát (“NCI”) được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát (các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu)

Công ty liên kết là những đơn vị mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát là những cơ sở kinh doanh mà Tập đoàn có quyền đồng kiểm soát được thiết lập bằng thỏa thuận hợp đồng và đòi hỏi sự nhất trí của các bên liên doanh đối với các quyết định chiến lược về tài chính và hoạt động. Công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (gọi chung là các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể hoặc quyền đồng kiểm soát đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ khi các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

(iv) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các giao dịch và số dư trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.

(b) Ngoại tệ

(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Quy đổi báo cáo tài chính của công ty liên kết từ đơn vị tiền tệ kế toán sang đơn vị tiền tệ báo cáo

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả của công ty liên kết có đơn vị tiền tệ kế toán khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập và chi phí của công ty liên kết được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do quy đổi báo cáo tài chính bằng đơn vị tiền tệ khác VND của công ty liên kết được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá quy đổi tiền tệ” thuộc vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban điều hành Tập đoàn dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu và các khoản phải thu về cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Ban điều hành Tập đoàn khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|------------|
| ▪ nhà cửa, vật kiến trúc | 5 – 45 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị | 5 – 30 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 3 – 10 năm |
| ▪ thiết bị quản lý | 3 – 15 năm |
| ▪ tài sản khác | 2 – 20 năm |

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm:

- quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn được thể hiện theo nguyên giá và không khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn sử dụng của quyền sử dụng đất là từ 32 đến 49 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(i) Bất động sản đầu tư

(i) Bất động sản đầu tư cho thuê

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Tổng Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- quyền sử dụng đất 46 năm
- nhà cửa, vật kiến trúc 5 – 45 năm

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được phản ánh theo giá gốc trừ đi các khoản giảm giá trị theo giá thị trường. Giá trị ghi sổ của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá sẽ được ghi giảm nếu có bằng chứng cho thấy giá thị trường của bất động sản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của bất động sản này và giá trị khoản tổn thất có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Khoản ghi giảm giá trị của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho công trình xây dựng và máy móc chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Bao bì luân chuyển

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, kết sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(ii) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 32 đến 48 năm.

(iii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(l) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(m) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Tập đoàn và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tập đoàn chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(n) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần thu từ phát hành cổ phiếu vượt trên mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng của thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(p) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(iv) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(v) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(q) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(r) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(s) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

Tập đoàn không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng, quy định về trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

(t) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(u) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

4. Tính thời vụ của hoạt động kinh doanh

Bộ phận kinh doanh của Tập đoàn được chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Bán bia;
- Bán nguyên vật liệu; và
- Các hoạt động khác bao gồm bán rượu, nước giải khát và các sản phẩm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá rằng lĩnh vực hoạt động này không bị ảnh hưởng trọng yếu bởi tính thời vụ.

5. Ảnh hưởng của Vi rút Corona 2019 và các quy định mới

Sự bùng phát của đại dịch Vi rút Corona 2019 (“Covid-19”) từ tháng 3 năm 2020 tại Việt Nam và các biện pháp kiểm dịch và cách ly do Chính phủ Việt Nam ban hành đã ảnh hưởng bất lợi đến hoạt động sản xuất và kinh doanh của Tập đoàn. Nghị định 100/2019/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2020 cũng ảnh hưởng đến ngành sản xuất kinh doanh bia rượu. Ban điều hành Tập đoàn đã điều chỉnh chiến lược kinh doanh và áp dụng các biện pháp kiểm soát chi phí để giảm thiểu tác động tài chính của các sự kiện này. Mặc dù Việt Nam đã cho phép tất cả các lĩnh vực kinh doanh được mở cửa hoạt động trở lại, nhưng hoạt động du lịch quốc tế vẫn tạm thời bị đóng cửa. Ban điều hành Tập đoàn vẫn tiếp tục theo dõi tình hình đại dịch Covid-19 để đưa ra các giải pháp kinh doanh phù hợp.

6. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Bộ phận kinh doanh của Tập đoàn được chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Bán bia;
- Bán nguyên vật liệu; và
- Các hoạt động khác bao gồm bán rượu, nước giải khát và các sản phẩm khác.

Trong kỳ, các hoạt động kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Tập đoàn và tài sản và nợ phải trả của Tập đoàn tại ngày báo cáo chủ yếu phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh bia. Theo đó, thông tin tài chính được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 và ngày 1 tháng 1 năm 2020 chủ yếu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh bia của Tập đoàn. Thuyết minh 31 và Thuyết minh 32 trình bày chi tiết doanh thu và giá vốn của từng loại sản phẩm, vì vậy đã cung cấp đầy đủ thông tin về kết quả hoạt động của mỗi bộ phận kinh doanh như được phân loại ở trên.

(b) Bộ phận chia theo khu vực địa lý

Bộ phận chia theo khu vực địa lý của Tập đoàn dựa trên vị trí địa lý của khách hàng, bao gồm khách hàng trong nước và khách hàng nước ngoài, trong đó doanh thu xuất khẩu chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu của Tập đoàn và không phải là một bộ phận trọng yếu cần báo cáo riêng. Do đó, thông tin tài chính được báo cáo chủ yếu phản ánh hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn trong lãnh thổ Việt Nam.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

7. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2020	1/1/2020
	VND	VND
Tiền mặt	4.679.898.263	1.999.169.826
Tiền gửi ngân hàng	1.517.077.454.707	951.479.827.739
Các khoản tương đương tiền (*)	3.343.056.598.679	3.162.405.649.072
	<hr/>	<hr/>
	4.864.813.951.649	4.115.884.646.637
	<hr/>	<hr/>

- (*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày gửi. Các khoản tương đương tiền được gửi bằng VND và hưởng lãi suất từ 4,0% đến 4,8% một năm (1/1/2020: 4,3% đến 5,5% một năm).

8. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn trên 3 tháng kể từ ngày gửi nhưng dưới 12 tháng kể từ ngày báo cáo. Tiền gửi có kỳ hạn được gửi bằng VND và hưởng lãi suất từ 5,4% đến 8,2% một năm (1/1/2020: từ 6,5% đến 8,2% một năm).

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn

	30/6/2020	1/1/2020
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	30.000.000.000	33.000.000.000
Trái phiếu (ii)	20.868.879.905	20.868.879.905
	<hr/>	<hr/>
	50.868.879.905	53.868.879.905
	<hr/>	<hr/>

- (i) Tiền gửi có kỳ hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn trên 12 tháng kể từ ngày báo cáo. Tiền gửi có kỳ hạn được gửi bằng VND và hưởng lãi suất là 8,3% một năm (1/1/2020: 7,6% đến 8,3% một năm).
- (ii) Đây là khoản đầu tư của Tập đoàn vào trái phiếu của Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam. Toàn bộ khoản đầu tư này đã được lập dự phòng.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

	30/6/2020			1/1/2020		
	Hạch toán theo vốn chủ sở hữu/ Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Hạch toán theo vốn chủ sở hữu/ Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư vào các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát (i)	1.922.676.923.135	(97.332.469.971)	1.825.344.453.164	1.878.458.174.350	(97.332.469.971)	1.781.125.704.379
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác (ii)	665.885.700.116	(338.578.424.277)	327.307.275.839	665.885.700.116	(338.141.461.677)	327.744.238.439
	2.588.562.623.251	(435.910.894.248)	2.152.651.729.003	2.544.343.874.466	(435.473.931.648)	2.108.869.942.818

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(i) Đầu tư vào các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Tên công ty	30/6/2020			1/1/2020		
	Hạch toán theo vốn chủ sở hữu VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Hạch toán theo vốn chủ sở hữu VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Kinh doanh Lương thực - Thực phẩm Trường Sa	4.877.957.381	(*)	-	5.349.040.203	(*)	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư - Thiết kế và Chuyển giao Công nghệ Thành Nam	329.653.546	(*)	-	329.653.546	(*)	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ	79.950.136.574	72.998.550.000	-	79.280.455.575	103.789.126.800	-
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công nghiệp	6.634.611.156	(*)	-	11.239.321.481	(*)	-
Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô	101.661.391.357	(*)	-	112.110.621.745	(*)	-
Công ty TNHH Trung Tâm Mê Linh	119.289.076.016	(*)	-	129.777.418.614	(*)	-
Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn	352.488.490.837	(*)	-	300.165.809.593	(*)	-
Công ty TNHH Thủy tinh Malaya Việt Nam	269.502.515.772	(*)	-	261.432.271.091	(*)	-
Công ty TNHH Bao bì San Miguel Yamamura Phú Thọ	59.707.539.072	(*)	-	58.224.106.724	(*)	-
Công ty TNHH Sản xuất Rượu và Cồn Việt Nam	26.502.914.250	(*)	(26.502.914.250)	26.502.914.250	(*)	(26.502.914.250)
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây	490.159.542.128	(*)	-	478.371.013.670	(*)	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung	159.363.148.421	302.757.481.900	-	149.579.209.268	381.106.862.200	-
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Tân Thành	70.829.555.721	(*)	(70.829.555.721)	70.829.555.721	(*)	(70.829.555.721)
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	36.809.669.144	32.432.400.000	-	39.413.251.891	31.554.189.333	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long	51.474.168.479	(*)	-	49.365.264.038	(*)	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang	25.629.517.101	(*)	-	32.474.770.492	(*)	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Khánh Hòa	45.486.234.215	(*)	-	48.931.173.926	(*)	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre	21.980.801.965	(*)	-	25.082.322.522	(*)	-
	1.922.676.923.135		(97.332.469.971)	1.878.458.174.350		(97.332.469.971)

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động của đầu tư vào các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	1.878.458.174.350	1.800.203.395.934
Lợi nhuận được chia trong kỳ	98.467.817.737	167.054.719.793
Cổ tức nhận được trong kỳ	(55.256.790.408)	(235.885.062.159)
Chênh lệch tỷ giá quy đổi tiền tệ	1.007.721.456	4.892.963.746
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	1.922.676.923.135	1.736.266.017.314

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Tên công ty	30/6/2020			1/1/2020		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông	216.579.320.000	278.897.664.205	-	216.579.320.000	234.115.429.133	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á	136.265.460.000	(*)	(136.265.460.000)	136.265.460.000	(*)	(136.265.460.000)
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bao Bì Sài Gòn	50.000.000.000	(*)	-	50.000.000.000	(*)	-
Công ty Cổ phần PVI	51.475.140.000	14.516.868.600	(36.958.271.400)	51.475.140.000	14.953.831.200	(36.521.308.800)
Công ty Cổ phần Đầu tư - Phát triển Không Gian Ngầm	23.085.000.000	(*)	(23.085.000.000)	23.085.000.000	(*)	(23.085.000.000)
Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông	30.700.950.000	10.437.000.000	(30.700.950.000)	30.700.950.000	7.056.000.000	(30.700.950.000)
Quỹ đầu tư Chứng khoán Sài Gòn A2	35.757.720.722	(*)	(35.757.720.722)	35.757.720.722	(*)	(35.757.720.722)
Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn	26.588.267.394	(*)	-	26.588.267.394	(*)	-
Công ty Cổ phần Cồn, Rượu Bình Tây - Việt Nam	300.000.000	(*)	(300.000.000)	300.000.000	(*)	(300.000.000)
Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại Nha Trang	1.161.147.000	(*)	-	1.161.147.000	(*)	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Việt	45.000.000.000	(*)	(45.000.000.000)	45.000.000.000	(*)	(45.000.000.000)
Công ty TNHH Đầu tư Sabeco HP	24.426.586.800	(*)	(24.426.586.800)	24.426.586.800	(*)	(24.426.586.800)
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Đồng Nai	3.954.000.000	(*)	(3.954.000.000)	3.954.000.000	(*)	(3.954.000.000)
Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn - Đồng Hà	5.600.000.000	(*)	(1.810.837.795)	5.600.000.000	(*)	(1.810.837.795)
Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại DIC	14.992.108.200	(*)	(319.597.560)	14.992.108.200	(*)	(319.597.560)
	665.885.700.116		(338.578.424.277)	665.885.700.116		(338.141.461.677)

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- (*) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Biến động của đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	665.885.700.116	688.510.888.053
Giảm thông qua cản trừ với khoản phải trả khác	-	(15.350.000.000)
Xóa sổ trong kỳ	-	(7.275.187.937)
Số dư cuối kỳ	665.885.700.116	665.885.700.116

(iii) Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn

Biến động của dự phòng đầu tư tài chính dài hạn trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	435.473.931.648	390.540.855.782
Dự phòng trích lập trong kỳ	436.962.600	5.446.686.750
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	-	(11.989.493.600)
Sử dụng dự phòng trong kỳ	-	(7.275.187.937)
Số dư cuối kỳ	435.910.894.248	376.722.860.995

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

9. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	30/6/2020	1/1/2020
	VND	VND
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Phú Lý	35.042.942.882	7.974.522.927
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung	30.429.511.376	8.673.647.771
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây	28.736.000.202	30.014.447.972
Các khách hàng khác	211.049.545.373	110.991.953.983
	<hr/>	<hr/>
	305.257.999.833	157.654.572.653
	<hr/>	<hr/>

(b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan

	30/6/2020	1/1/2020
	VND	VND
<i>Công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát</i>		
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung	30.429.511.376	8.673.647.771
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây	28.736.000.202	30.014.447.972
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ	27.327.157.193	8.367.162.123
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre	21.964.333.070	7.622.147.366
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Khánh Hòa	20.312.137.833	5.481.242.048
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang	20.252.741.373	10.112.131.104
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long	17.375.381.755	7.636.502.161
Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô	11.735.072.089	6.307.906.113
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	5.940.618.940	-
Công ty TNHH Thủy tinh Malaya Việt Nam	1.912.358.025	2.134.763.192
Công ty TNHH Bao bì San Miguel Yamamura Phú Thọ	407.299.200	375.144.000
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2020	1/1/2020
	VND	VND
Phải thu do chênh lệch giữa giá trị của khoản đầu tư và phần vốn góp trong công ty liên kết	277.230.733.543	277.230.733.543
Phải thu lãi tiền gửi	317.241.960.990	313.539.765.595
Phải thu về cổ tức	17.884.307.000	48.821.921.232
Phải thu ngắn hạn khác	83.023.724.669	62.994.688.808
	<hr/>	<hr/>
	695.380.726.202	702.587.109.178
	<hr/>	<hr/>

Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan

	30/6/2020	1/1/2020
	VND	VND
<i>Công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát</i>		
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Tân Thành	277.230.733.543	277.230.733.543
Công ty TNHH Bao bì San Miguel Yamamura Phú Thọ	8.141.000.000	8.141.000.000
Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô	6.983.307.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây	4.866.363.636	3.470.918.435
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Khánh Hòa	83.916.000	83.916.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung	-	36.311.825.665
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long	-	6.950.307.806
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre	-	1.868.442.672
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang	-	1.592.202.248
	<hr/>	<hr/>

(b) Phải thu dài hạn khác

	30/6/2020	1/1/2020
	VND	VND
Ký quỹ, ký cược dài hạn	27.863.223.834	30.466.726.775
Phải thu dài hạn khác	8.028.765.000	8.028.765.000
	<hr/>	<hr/>
	35.891.988.834	38.495.491.775
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Dự phòng phải thu khó đòi

(a) Ngắn hạn

	Số ngày quá hạn	30/6/2020			Số ngày quá hạn	1/1/2020		
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Phải thu ngắn hạn khác	Trên 2 năm	329.371.173.672	(329.371.173.672)	-	Trên 2 năm	329.371.173.672	(329.371.173.672)	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn	Trên 2 năm	11.675.583.954	(11.675.439.217)	144.737	Trên 2 năm	11.688.783.954	(11.675.439.217)	13.344.737
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	Trên 2 năm	5.332.580.323	(5.143.191.059)	189.389.264	Trên 2 năm	5.355.275.946	(5.266.054.396)	89.221.550
		<u>346.379.337.949</u>	<u>(346.189.803.948)</u>	<u>189.534.001</u>		<u>346.415.233.572</u>	<u>(346.312.667.285)</u>	<u>102.566.287</u>

(b) Dài hạn

	Số ngày quá hạn	30/6/2020			Số ngày quá hạn	1/1/2020		
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn	Trên 2 năm	20.868.879.905	(20.868.879.905)	-	Trên 2 năm	20.868.879.905	(20.868.879.905)	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	Trên 2 năm	6.005.003.018	(6.005.003.018)	-	Trên 2 năm	6.005.003.018	(6.005.003.018)	-
Phải thu về cho vay dài hạn	Trên 2 năm	4.000.000.000	(4.000.000.000)	-	Trên 2 năm	4.000.000.000	(4.000.000.000)	-
Phải thu dài hạn khác	Trên 2 năm	8.516.530.900	(8.516.530.900)	-	Trên 2 năm	8.516.530.900	(8.516.530.900)	-
		<u>39.390.413.823</u>	<u>(39.390.413.823)</u>	<u>-</u>		<u>39.390.413.823</u>	<u>(39.390.413.823)</u>	<u>-</u>

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động của dự phòng phải thu ngắn hạn và dài hạn trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	385.703.081.108	95.268.832.527
Dự phòng trích lập trong kỳ	827.536.663	654.656.003
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	(950.400.000)	(329.209.304)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	385.580.217.771	95.594.279.226

12. Hàng tồn kho

(a) Hàng tồn kho

	30/6/2020		1/1/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang				
đi trên đường	44.816.694.232	-	206.339.542.512	-
Nguyên vật liệu	511.689.886.745	(45.334.013.070)	517.894.000.688	(56.730.202.872)
Công cụ và dụng cụ	242.628.604.071	(126.068.427.017)	285.028.888.383	(123.647.246.994)
Chi phí sản xuất				
kinh doanh dở dang	206.031.718.430	(1.939.778.598)	232.611.199.538	(1.939.778.598)
Thành phẩm	734.103.541.631	(13.637.540.013)	927.663.136.778	(20.085.805.337)
Hàng hóa	10.949.242.436	-	3.985.809	-
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	1.750.219.687.545	(186.979.758.698)	2.169.540.753.708	(202.403.033.801)

Trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 có 186.980 triệu VND (1/1/2020: 202.403 triệu VND) hàng tồn kho lỗi thời, hoặc chậm luân chuyển khó tiêu thụ được.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	202.403.033.801	220.309.616.679
Dự phòng trích lập trong kỳ	12.183.102.923	5.144.799.709
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	(17.893.586.666)	(6.876.544.343)
Dự phòng sử dụng trong kỳ	(9.712.791.360)	-
Chuyển sang dự phòng giảm giá thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	-	(200.164.449)
Số dư cuối kỳ	186.979.758.698	218.377.707.596

(b) Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

	30/6/2020		1/1/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	56.947.256.617	(32.447.094.392)	60.182.188.934	(29.145.767.294)

Biến động của dự phòng giảm giá thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	29.145.767.294	13.296.219.944
Dự phòng trích lập trong kỳ	5.794.381.085	3.230.259.465
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	(2.493.053.987)	(1.214.931.383)
Chuyển từ dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	200.164.449
Số dư cuối kỳ	32.447.094.392	15.511.712.475

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/6/2020	1/1/2020
	VND	VND
Chi phí bảng hiệu quảng cáo	64.602.742.957	61.446.931.219
Chi phí thuê	20.449.886.032	17.831.096.101
Công cụ và dụng cụ	2.508.186.920	2.976.228.969
Chi phí trả trước khác	18.829.552.106	14.875.648.832
	106.390.368.015	97.129.905.121

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	30/6/2020	1/1/2020
	VND	VND
Bao bì luân chuyển	111.144.587.362	138.132.411.556
Chi phí đất trả trước	65.223.683.647	66.375.716.506
Tài sản chờ góp vốn đầu tư (*)	51.602.316.000	51.602.316.000
Công cụ và dụng cụ	31.982.828.408	32.092.214.503
Chi phí trả trước khác	36.434.789.790	40.401.975.215
	296.388.205.207	328.604.633.780

(*) Tài sản chờ góp vốn đầu tư phản ánh giá trị quyền sử dụng đất chờ bàn giao (Thuyết minh 22(b)).

Biến động của chi phí trả trước dài hạn trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	328.604.633.780	551.794.760.319
Tăng trong kỳ	51.883.615.754	46.749.276.558
Chuyển từ/(chuyển sang) tài sản cố định hữu hình	71.700.000	(1.108.205.697)
Phân bổ trong kỳ	(84.171.744.327)	(196.596.810.736)
	296.388.205.207	400.839.020.444

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị quản lý VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	2.078.623.291.633	7.700.011.600.756	254.634.372.155	147.640.041.984	9.321.546.674	10.190.230.853.202
Tăng trong kỳ	-	10.949.403.291	-	10.015.710.162	-	20.965.113.453
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	20.436.376.688	487.448.700.347	-	2.623.232.944	-	510.508.309.979
Chuyển sang bất động sản đầu tư (Thuyết minh 16(a))	(11.838.105.819)	-	-	-	-	(11.838.105.819)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	-	-	-	(71.700.000)	(71.700.000)
Phân loại lại	-	-	(1.895.030.928)	1.895.030.928	-	-
Thanh lý	-	(810.574.039)	(1.068.620.120)	-	-	(1.879.194.159)
Số dư cuối kỳ	2.087.221.562.502	8.197.599.130.355	251.670.721.107	162.174.016.018	9.249.846.674	10.707.915.276.656
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	980.892.096.872	5.153.799.156.887	191.989.917.201	114.036.300.943	5.870.823.109	6.446.588.295.012
Khấu hao trong kỳ	48.605.914.715	226.670.846.960	8.409.278.533	7.112.364.920	398.828.681	291.197.233.809
Chuyển sang bất động sản đầu tư (Thuyết minh 16(a))	(2.243.400.565)	-	-	-	-	(2.243.400.565)
Phân loại lại	-	-	(1.869.845.742)	1.869.845.742	-	-
Thanh lý	-	(653.165.908)	(1.068.620.120)	-	-	(1.721.786.028)
Số dư cuối kỳ	1.027.254.611.022	5.379.816.837.939	197.460.729.872	123.018.511.605	6.269.651.790	6.733.820.342.228
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	1.097.731.194.761	2.546.212.443.869	62.644.454.954	33.603.741.041	3.450.723.565	3.743.642.558.190
Số dư cuối kỳ	1.059.966.951.480	2.817.782.292.416	54.209.991.235	39.155.504.413	2.980.194.884	3.974.094.934.428

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 có các tài sản có nguyên giá 2.899.987 triệu VND (1/1/2020: 2.346.481 triệu VND) đã khấu hao hết, nhưng vẫn đang được sử dụng.

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình không còn sử dụng và chờ thanh lý tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 là 71.122 triệu VND (1/1/2020: 58.590 triệu VND).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình Tập đoàn cho các công ty liên kết thuê có thu phí tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 là 61.027 triệu VND (1/1/2020: 61.027 triệu VND).

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tài sản vô hình khác VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	1.024.215.267.144	67.270.890.585	247.447.482	1.091.733.605.211
Tăng trong kỳ	-	2.904.845.000	-	2.904.845.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	1.061.941.589	-	1.061.941.589
Phân loại lại		143.447.482	(143.447.482)	-
Thanh lý	(33.359.564)	-	-	(33.359.564)
Số dư cuối kỳ	1.024.181.907.580	71.381.124.656	104.000.000	1.095.667.032.236
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	83.628.234.464	66.075.272.419	232.201.231	149.935.708.114
Khấu hao trong kỳ	3.403.362.367	897.785.337	6.476.124	4.307.623.828
Phân loại lại	-	143.447.482	(143.447.482)	-
Thanh lý	(4.180.700)	-	-	(4.180.700)
Số dư cuối kỳ	87.027.416.131	67.116.505.238	95.229.873	154.239.151.242
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	940.587.032.680	1.195.618.166	15.246.251	941.797.897.097
Số dư cuối kỳ	937.154.491.449	4.264.619.418	8.770.127	941.427.880.994

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 có các tài sản có nguyên giá 64.172 triệu VND (1/1/2020: 64.172 triệu VND) đã khấu hao hết, nhưng vẫn đang được sử dụng.

Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình không còn sử dụng và chờ thanh lý tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 là 304 triệu VND (1/1/2020: 304 triệu VND).

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- (*) Trong quyền sử dụng đất tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 có các quyền sử dụng đất với giá trị là 735.380 triệu VND được Tập đoàn ghi nhận theo giá tạm tính tăng thêm vào giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 và Biên bản Quyết toán Cổ phần hóa do Ban Quyết toán Cổ phần hóa gồm các đại diện từ Bộ Công thương và Bộ Tài chính thực hiện tại ngày 30 tháng 4 năm 2008 lập vào ngày 6 tháng 3 năm 2010. Tập đoàn đã ghi nhận tăng giá trị quyền sử dụng đất này vào tài khoản “Tài sản cố định vô hình”, đồng thời ghi tăng tương ứng một khoản phải trả Nhà nước trên tài khoản “Phải trả ngắn hạn khác” (Thuyết minh 22(a)).

Các khu đất này đã được Bộ Công thương giao cho Tập đoàn quản lý và sử dụng theo quy hoạch của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Tập đoàn đang trong quá trình làm việc với Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để lập hợp đồng thuê đất. Hiện tại, Tập đoàn đang sử dụng các quyền sử dụng đất này cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Các quyền sử dụng đất này chỉ có tính tạm thời, Tập đoàn không được tự ý chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê lại hay thế chấp các quyền sử dụng đất này.

Chi tiết giá trị quyền sử dụng đất theo giá trị tạm tính được xác định tại ngày 6 tháng 3 năm 2010 như sau:

STT	Địa chỉ	Diện tích m ²	Giá trị định giá khi xác định giá trị doanh nghiệp VND
1	46 Bến Vân Đồn, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	3.872,5	55.241.212.500
2	187 Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	17.406,1	418.634.111.100
3	474 Nguyễn Chí Thanh, Phường 6, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	7.729,0	247.637.160.000
4	18/3B Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	2.216,3	13.867.389.100
			735.379.872.700

Tập đoàn chưa trích khấu hao giá trị của các quyền sử dụng đất này do thời gian sử dụng chưa được xác định một cách đáng tin cậy tại ngày lập báo cáo tài chính. Trong kỳ, Tập đoàn cũng đã hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất chi phí thuế sử dụng đất là 18.379 triệu VND (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019: 11.544 triệu VND) theo thông báo nộp thuế sử dụng đất của các chi cục thuế địa phương.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Bất động sản đầu tư

	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Bất động sản đầu tư cho thuê (a)	34.748.450.396	26.672.244.376
Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá (b)	31.760.909.657	31.760.909.657
	<u>66.509.360.053</u>	<u>58.433.154.033</u>

(a) Bất động sản đầu tư cho thuê

	Quyền sử dụng đất VND	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	27.812.438.744	18.106.255.809	45.918.694.553
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 14)	-	11.838.105.819	11.838.105.819
Số dư cuối kỳ	<u>27.812.438.744</u>	<u>29.944.361.628</u>	<u>57.756.800.372</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	7.906.274.291	11.340.175.886	19.246.450.177
Khấu hao trong kỳ	302.309.129	1.216.190.105	1.518.499.234
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 14)	-	2.243.400.565	2.243.400.565
Số dư cuối kỳ	<u>8.208.583.420</u>	<u>14.799.766.556</u>	<u>23.008.349.976</u>
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	19.906.164.453	6.766.079.923	26.672.244.376
Số dư cuối kỳ	<u>19.603.855.324</u>	<u>15.144.595.072</u>	<u>34.748.450.396</u>

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

	Quyền sử dụng đất VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	34.911.821.575
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	3.150.911.918
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	31.760.909.657

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư có thể khác với giá trị ghi sổ.

17. Xây dựng cơ bản dở dang

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	307.773.703.264	144.377.898.065
Tăng trong kỳ	257.442.448.644	56.053.141.203
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(510.508.309.979)	(27.318.950.696)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(1.061.941.589)	-
Chuyển sang hàng tồn kho	(813.912.046)	-
Số dư cuối kỳ	52.831.988.294	173.112.088.572

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2020	1/1/2020
	VND	VND
Hệ thống xử lý nước thải	11.401.026.354	4.142.426.410
Hệ thống chiết và tách bia	-	100.342.589.681
Cải tạo nhà xưởng, đầu tư thiết bị nấu tại Nhà máy Bia Sài Gòn - Nguyễn Chí Thanh	-	88.942.805.924
Nhà cửa, vật kiến trúc	-	78.407.669.034
Các công trình khác	41.430.961.940	35.938.212.215
	52.831.988.294	307.773.703.264

18. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	Thuế suất	30/6/2020	1/1/2020
		VND	VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại ghi nhận trên:			
▪ Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	20%	59.808.041.640	62.078.974.035
▪ Chi phí phải trả và các khoản dự phòng	20%	36.601.093.687	65.769.374.820
▪ Lãi chưa thực hiện	20%	42.035.241.340	45.504.272.571
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho và thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	20%	38.651.694.853	36.470.545.384
▪ Dự phòng phải thu khó đòi	20%	2.323.811.667	4.345.263.905
▪ Các khoản khác	20%	298.579.952	567.880.000
		179.718.463.139	214.736.310.715
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả ghi nhận trên:			
▪ Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	20%	28.161.725.285	25.196.385.655
▪ Công cụ và dụng cụ	20%	5.888.403.628	6.480.311.474
▪ Các khoản dự phòng	20%	(1.081.520.416)	(1.133.077.056)
		32.968.608.497	30.543.620.073

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Phải trả người bán

(a) Phải trả người bán ngắn hạn

(i) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	
	30/6/2020	1/1/2020
	VND	VND
Công ty Cổ phần Hanacans	195.307.791.336	255.937.951.196
Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn	180.809.569.023	235.967.453.301
Các nhà cung cấp khác	1.378.438.795.174	1.935.162.449.390
	<hr/>	<hr/>
	1.754.556.155.533	2.427.067.853.887
	<hr/>	<hr/>

(ii) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	
	30/6/2020	1/1/2020
	VND	VND
<i>Công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát</i>		
Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn	180.809.569.023	235.967.453.301
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây	74.688.512.400	63.993.357.149
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung	27.933.154.439	52.041.494.908
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre	27.335.652.080	18.409.920.276
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ	23.406.841.920	24.851.400.970
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang	16.890.111.040	27.107.766.113
Công ty TNHH Bao bì San Miguel Yamamura Phú Thọ	12.305.973.900	15.764.630.891
Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải khát Sài Gòn - Tây Đô	11.499.807.913	8.441.778.004
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Khánh Hòa	9.516.276.000	5.565.963.898
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long	7.724.833.600	21.125.716.480
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	5.506.518.600	4.688.242.020
Công ty TNHH Thủy tinh Malaya Việt Nam	604.904.890	-
<i>Bên liên quan khác</i>		
Công ty TNHH Lon Nước Giải Khát TBC-Ball Việt Nam	83.262.174.966	52.601.015.251
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải trả người bán dài hạn

Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	
	30/6/2020	1/1/2020
	VND	VND
Krones AG (*)	88.693.875.350	-
Các nhà cung cấp khác	100.000.000	100.000.000
	<hr/>	<hr/>
	88.793.875.350	100.000.000
	<hr/>	<hr/>

(*) Khoản phải trả dài hạn cho Krones AG sẽ được thanh toán vào ngày 18 tháng 9 năm 2022.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Thuế phải nộp/phải thu Nhà nước

(a) Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2020 VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Số đã cần trừ trong kỳ VND	Phân loại sang thuế phải thu VND	30/6/2020 VND
Thuế tiêu thụ đặc biệt	492.850.292.427	3.152.308.390.098	(2.914.240.115.226)	-	-	730.918.567.299
Thuế thu nhập doanh nghiệp	232.943.964.427	447.757.034.053	(471.922.362.613)	(982.325.779)	611.005.769	208.407.315.857
Thuế giá trị gia tăng	100.284.136.319	5.646.365.672.374	(662.513.672.007)	(4.921.774.378.911)	-	162.361.757.775
Thuế thu nhập cá nhân	26.171.569.215	27.017.667.811	(40.911.658.154)	(26.232.048)	657.415.688	12.908.762.512
Thuế xuất nhập khẩu	-	5.430.731.128	(5.430.731.128)	-	-	-
Các loại thuế khác	3.710.050.777	75.328.379.586	(64.758.053.009)	(65.747.292)	216.076.267	14.430.706.329
	855.960.013.165	9.354.207.875.050	(4.159.776.592.137)	(4.922.848.684.030)	1.484.497.724	1.129.027.109.772

Trong năm 2018, Tập đoàn nhận được thông báo từ cơ quan thuế yêu cầu nộp tiền phạt thuế và lãi chậm nộp trên số thuế tiêu thụ đặc biệt phát sinh trong giai đoạn từ 2007 đến 2015 mà Tập đoàn đã nộp trước đó. Trong tháng 4 năm 2020, Tập đoàn đã nhận được phản hồi chính thức từ các cơ quan chức năng xác nhận rằng vấn đề trên đã được giải quyết.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Thuế phải thu Nhà nước

	1/1/2020 VND	Số đã căn trừ trong kỳ VND	Phân loại từ thuế phải nộp VND	30/6/2020 VND
Thuế giá trị gia tăng	1.806.954.567	(1.806.954.567)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.989.241.864	(982.325.779)	611.005.769	1.617.921.854
Thuế thu nhập cá nhân	463.563.366	(26.232.048)	657.415.688	1.094.747.006
Các loại thuế khác	151.489.955	(65.747.292)	216.076.267	301.818.930
	4.411.249.752	(2.881.259.686)	1.484.497.724	3.014.487.790

21. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	454.255.966.299	325.832.316.250
Chi phí lãi vay	20.406.942.734	21.487.979.834
Chi phí vận chuyển	3.491.500.145	3.338.741.362
Chi phí phải trả khác	110.692.602.810	82.511.944.274
	588.847.011.988	433.170.981.720

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

22. Phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2020	1/1/2020
	VND	VND
Phải trả Nhà nước cho phần đánh giá lại quyền sử dụng đất khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa (*)	735.379.872.700	735.379.872.700
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	147.888.940.972	179.289.889.446
Cổ tức phải trả	39.179.553.916	45.680.554.923
Phải trả ngắn hạn khác	54.632.533.127	118.997.511.575
	<hr/>	<hr/>
	977.080.900.715	1.079.347.828.644

(*) Phải trả Nhà nước cho phần đánh giá lại quyền sử dụng đất khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa được ghi nhận theo Biên bản Quyết toán Cổ phần hóa do Ban Quyết toán Cổ phần hóa, đại diện của Bộ Công thương và Bộ Tài chính, lập ngày 6 tháng 3 năm 2010 (Thuyết minh 15).

Phải trả ngắn hạn khác cho các bên liên quan

	30/6/2020	1/1/2020
	VND	VND
<i>Công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát</i>		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây	2.854.448.349	2.854.448.349
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung	562.650.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư - Thiết kế và Chuyển giao Công nghệ Thành Nam	340.000.000	340.000.000
<i>Các bên liên quan khác</i>		
Super Brands Company Pte. Ltd	304.650.459	6.246.344.005
Fraser and Neave, Limited	232.887.356	2.425.671.710
Fraser & Neave (Singapore) Pte. Limited	2.000.000	874.455.121

(b) Phải trả dài hạn khác

	30/6/2020	1/1/2020
	VND	VND
Tiền thuê đất phải trả Nhà nước (Thuyết minh 13(b))	51.602.316.000	51.602.316.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.407.700.000	2.471.000.000
	<hr/>	<hr/>
	54.010.016.000	54.073.316.000

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

23. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2020 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong kỳ		30/6/2020 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn	504.913.273.296	1.194.925.740.511	(1.305.503.424.088)	394.335.589.719
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 23(b))	55.597.790.000	34.788.660.000	(38.809.130.000)	51.577.320.000
	560.511.063.296	1.229.714.400.511	(1.344.312.554.088)	445.912.909.719

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh 4	VND	166.598.146.094	118.766.311.328
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh 4	VND	46.045.785.549	100.000.000.000
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh 4	VND	16.178.886.904	144.973.056.278
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ngãi	VND	90.900.000.000	91.500.000.000
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Quang Minh	VND	30.630.601.494	39.373.905.690
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Thăng Long	VND	-	10.300.000.000
▪ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	26.994.743.741	-
▪ Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	VND	9.551.793.937	-
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ngãi	USD	7.435.632.000	-
		394.335.589.719	504.913.273.296

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các khoản vay ngắn hạn bằng VND chịu lãi suất từ 4,2% đến 5,6% một năm (1/1/2020: 5,3% đến 6,5% một năm) và các khoản vay ngắn hạn bằng USD chịu lãi suất là 3,5% một năm (1/1/2020: 3,3% đến 4,0% một năm). Các khoản vay ngắn hạn được đảm bảo bằng một số hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư.

(b) Vay dài hạn

	30/6/2020	1/1/2020
	VND	VND
Vay dài hạn	511.033.647.274	549.842.777.274
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 23(a))	(51.577.320.000)	(55.597.790.000)
	<hr/>	<hr/>
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	459.456.327.274	494.244.987.274
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Năm đáo hạn	30/6/2020	1/1/2020
			VND	VND
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh 4	VND	2027	489.069.877.274	525.069.877.274
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Quang Minh	VND	2022	17.815.770.000	19.795.300.000
▪ Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội	VND	2022	4.148.000.000	4.977.600.000
			<hr/>	<hr/>
			511.033.647.274	549.842.777.274
			<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Các khoản vay dài hạn chịu lãi suất từ 7,80% đến 8,44% một năm (1/1/2020: 7,80% đến 8,44% một năm) và được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình, tài sản hình thành trong tương lai và bất động sản đầu tư.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Tập đoàn theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Tập đoàn theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tập đoàn.

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Số dư đầu kỳ	294.925.203.277	222.305.047.166
Trích lập trong kỳ (Thuyết minh 26)	63.839.022.336	139.571.219.425
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 26)	(41.118.958.561)	32.858.350.618
Sử dụng trong kỳ	(80.684.476.347)	(243.298.663.860)
Số dư cuối kỳ	236.960.790.705	151.435.953.349

25. Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng phải trả dài hạn phản ánh dự phòng trợ cấp thôi việc. Biến động của dự phòng trợ cấp thôi việc trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Số dư đầu kỳ	135.416.747.716	145.868.448.336
Dự phòng trích lập trong kỳ	981.142.753	346.474.376
Chuyển từ dự phòng phải trả ngắn hạn	172.000.000	-
Dự phòng sử dụng trong kỳ	(9.271.269.120)	(6.452.591.435)
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	-	(191.272.177)
Số dư cuối kỳ	127.298.621.349	139.571.059.100

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

26. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Chênh lệch tỷ giá quy đổi tiền tệ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích của chủ sở hữu Tổng Công ty VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	6.412.811.860.000	3.208.666.226	21.099.487.654	1.130.147.220.442	5.327.112.664	7.473.777.581.426	15.046.371.928.412	1.065.496.239.757	16.111.868.168.169
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	2.658.458.475.046	2.658.458.475.046	161.540.469.492	2.819.998.944.538
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 24)	-	-	-	-	-	(123.681.504.903)	(123.681.504.903)	(15.889.714.522)	(139.571.219.425)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 24)	-	-	-	-	-	(30.004.529.945)	(30.004.529.945)	(2.853.820.673)	(32.858.350.618)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	221.570.621	-	(221.570.621)	-	-	-
Cổ tức (Thuyết minh 29)	-	-	-	-	-	-	-	(146.297.150.789)	(146.297.150.789)
Chênh lệch tỷ giá quy đổi tiền tệ	-	-	4.892.963.746	-	-	-	4.892.963.746	-	4.892.963.746
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	-	-	-	(23.106.121.934)	(23.106.121.934)	(556.666.928)	(23.662.788.862)
Điều chỉnh quỹ công tác xã hội	-	-	-	-	-	(2.116.745.426)	(2.116.745.426)	176.278.554	(1.940.466.872)
Điều chỉnh khác	-	-	-	4.038.094	-	2.269.531	6.307.625	(18.307.625)	(12.000.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2019	6.412.811.860.000	3.208.666.226	25.992.451.400	1.130.372.829.157	5.327.112.664	9.953.107.853.174	17.530.820.772.621	1.061.597.327.266	18.592.418.099.887

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Chênh lệch tỷ giá quy đổi tiền tệ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích của chủ sở hữu Tổng Công ty VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 7 năm 2019	6.412.811.860.000	3.208.666.226	25.992.451.400	1.130.372.829.157	5.327.112.664	9.953.107.853.174	17.530.820.772.621	1.061.597.327.266	18.592.418.099.887
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	2.394.905.444.119	2.394.905.444.119	155.243.319.885	2.550.148.764.004
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(135.051.102.849)	(135.051.102.849)	(15.387.786.790)	(150.438.889.639)
Cổ tức	-	-	-	-	-	(961.921.779.000)	(961.921.779.000)	(26.785.092.490)	(988.706.871.490)
Chênh lệch tỷ giá quy đổi tiền tệ	-	-	1.280.422.371	-	-	-	1.280.422.371	-	1.280.422.371
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	-	-	-	(25.289.817.647)	(25.289.817.647)	(630.616.786)	(25.920.434.433)
Chuyển từ quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu sang lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-	-	-	-	(5.327.112.664)	5.327.112.664	-	-	-
Mua lại công ty con	-	-	-	-	-	-	-	97.131.363.467	97.131.363.467
Thay đổi tỷ lệ sở hữu của cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	99.219.823	99.219.823	(99.219.823)	-
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	-	419.537.336	419.537.336	(84.935.139)	334.602.197
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	6.412.811.860.000	3.208.666.226	27.272.873.771	1.130.372.829.157	-	11.231.596.467.620	18.805.262.696.774	1.270.984.359.590	20.076.247.056.364

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Chênh lệch tỷ giá quy đổi tiền tệ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích của chủ sở hữu Tổng Công ty VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	6.412.811.860.000	3.208.666.226	27.272.873.771	1.130.372.829.157	-	11.231.596.467.620	18.805.262.696.774	1.270.984.359.590	20.076.247.056.364
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	1.864.690.552.970	1.864.690.552.970	67.983.118.917	1.932.673.671.887
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 24)	-	-	-	-	-	(57.140.632.749)	(57.140.632.749)	(6.698.389.587)	(63.839.022.336)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 24)	-	-	-	-	-	35.156.246.941	35.156.246.941	5.962.711.620	41.118.958.561
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	(7.538.772.810)	-	7.538.772.810	-	-	-
Cổ tức (Thuyết minh 29)	-	-	-	-	-	(2.244.484.151.000)	(2.244.484.151.000)	(39.352.500.000)	(2.283.836.651.000)
Chênh lệch tỷ giá quy đổi tiền tệ	-	-	1.007.721.456	-	-	-	1.007.721.456	-	1.007.721.456
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	-	-	-	(1.440.234.143)	(1.440.234.143)	(266.589.041)	(1.706.823.184)
Điều chỉnh quỹ công tác xã hội	-	-	-	-	-	40.235.334.870	40.235.334.870	(187.026.622)	40.048.308.248
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2020	6.412.811.860.000	3.208.666.226	28.280.595.227	1.122.834.056.347	-	10.876.152.357.319	18.443.287.535.119	1.298.425.684.877	19.741.713.219.996

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

27. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	30/6/2020 và 1/1/2020	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	641.281.186	6.412.811.860.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	641.281.186	6.412.811.860.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tập đoàn. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tập đoàn. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Tập đoàn mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 và ngày 30 tháng 6 năm 2019.

28. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

29. Cổ tức

Nghị quyết của Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty ngày 21 tháng 1 năm 2020 đã quyết định phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông là 2.244.484 triệu VND (tương đương 3.500 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2019 (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019: Không).

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

30. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2020	1/1/2020
	VND	VND
Trong vòng một năm	202.588.595.531	185.533.784.273
Từ hai đến năm năm	611.249.151.080	626.011.774.676
Sau năm năm	552.630.275.357	488.152.938.344
	<hr/>	<hr/>
	1.366.468.021.968	1.299.698.497.293
	<hr/>	<hr/>

(b) Tài sản, nguyên vật liệu, hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba

	Đơn vị	30/6/2020	1/1/2020
Bia	thùng/két	2.085.079	3.960.378
Nước giải khát	thùng/két	114.763	1.040
Kết nhựa	cái	3.721	-
		<hr/>	<hr/>

(c) Ngoại tệ các loại

	30/6/2020		1/1/2020	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	2.974.680	68.775.459.689	788.013	18.205.699.512
EUR	3.171	81.377.614	7.613	196.014.284
		<hr/>		<hr/>
		68.856.837.303		18.401.713.796
		<hr/>		<hr/>

(d) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	30/6/2020	1/1/2020
	VND	VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	101.156.535.925	185.144.507.293
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

31. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu bán bia	10.776.202.371.054	16.040.369.886.615
▪ Doanh thu bán nguyên vật liệu	1.181.778.031.379	2.265.571.279.074
▪ Doanh thu bán nước giải khát	75.418.922.138	130.840.848.054
▪ Doanh thu bán cồn và rượu	45.377.866.599	25.346.763.173
▪ Doanh thu khác	44.940.757.657	55.233.748.309
	<hr/>	<hr/>
	12.123.717.948.827	18.517.362.525.225
	<hr/>	<hr/>
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	78.880.580.351	92.811.604.195
▪ Hàng bán bị trả lại	993.701.820	8.785.245
	<hr/>	<hr/>
	79.874.282.171	92.820.389.440
	<hr/>	<hr/>
Doanh thu thuần	12.043.843.666.656	18.424.542.135.785

32. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Tổng giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp:		
▪ Giá vốn bia đã bán	7.250.623.969.104	11.444.589.654.048
▪ Giá vốn nguyên vật liệu đã bán	1.137.898.086.242	2.253.896.928.612
▪ Giá vốn nước giải khát đã bán	55.392.795.002	90.640.273.693
▪ Giá vốn cồn và rượu đã bán	36.634.054.889	21.914.229.462
▪ (Hoàn nhập)/trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho và thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	(2.409.156.645)	283.583.448
▪ Giá vốn khác	5.348.880.944	8.422.642.893
	<hr/>	<hr/>
	8.483.488.629.536	13.819.747.312.156

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

33. Doanh thu hoạt động tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Thu nhập từ lãi tiền gửi ngân hàng	462.866.199.922	358.003.252.327
Lãi chênh lệch tỷ giá	32.907.913.655	6.515.841.465
Thu nhập từ cổ tức được chia	-	6.518.968.873
Doanh thu hoạt động tài chính khác	898.380	174.821
	495.775.011.957	371.038.237.486

34. Chi phí tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Chi phí lãi vay	34.545.965.865	13.830.994.903
Lỗ chênh lệch tỷ giá	4.202.063.164	1.738.587.148
Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	436.962.600	(6.542.806.850)
	39.184.991.629	9.026.775.201

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

35. Chi phí bán hàng

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	765.925.708.768	603.337.956.496
Chi phí nhân viên	313.200.681.218	354.853.696.670
Chi phí bao bì luân chuyển	66.988.247.029	159.326.700.243
Chi phí thuê	70.793.387.676	75.288.386.181
Chi phí vận chuyển	15.610.033.148	12.975.472.613
Chi phí khấu hao và phân bổ	11.733.418.789	13.299.545.323
Chi phí bán hàng khác	110.462.436.446	116.772.981.026
	1.354.713.913.074	1.335.854.738.552

36. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Chi phí nhân viên	190.862.163.454	212.469.067.248
Chi phí khấu hao và phân bổ	13.797.855.504	16.788.662.384
Chi phí thuê	74.241.781.770	28.103.221.052
Chi phí quản lý khác	74.090.617.326	92.065.236.075
	352.992.418.054	349.426.186.759

37. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	2.297.769.623.310	2.711.284.106.259
Chi phí nhân công và nhân viên	673.778.239.216	808.340.168.615
Chi phí khấu hao và phân bổ	295.052.635.671	318.423.774.642
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.433.345.792.956	1.647.071.771.848
Chi phí khác	267.708.251.710	499.223.443.033

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

38. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Kỳ hiện hành	445.118.875.888	606.062.292.167
Dự phòng thiếu trong những năm trước	2.638.158.165	29.523.187.549
	<hr/>	<hr/>
	447.757.034.053	635.585.479.716
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	37.442.836.000	65.165.621
	<hr/>	<hr/>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	485.199.870.053	635.650.645.337

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	2.417.873.541.940	3.455.649.589.875
	<hr/>	<hr/>
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	483.574.708.388	691.129.917.975
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác áp dụng đối với các công ty con	(5.149.851.836)	(9.775.642.140)
Ưu đãi thuế	(5.020.264.657)	(9.434.185.678)
Thu nhập không bị tính thuế	(19.693.563.547)	(34.714.737.733)
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.423.813.449	1.159.527.091
Thay đổi trong thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	27.023.413.759	(29.962.939.557)
Lỗi tính thuế được sử dụng	(296.462.626)	(1.243.833.570)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	2.638.158.165	29.523.187.549
Các khoản khác	699.918.958	(1.030.648.600)
	<hr/>	<hr/>
	485.199.870.053	635.650.645.337

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật Thuế Thu nhập Doanh nghiệp, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất là 20% trên lợi nhuận tính thuế. Các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất từ 10% đến 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

39. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ báo cáo và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
		(Điều chỉnh lại)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	1.864.690.552.970	2.658.458.475.046
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(57.140.632.749)	(111.788.180.406)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	1.807.549.920.221	2.546.670.294.640

Số trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 được ước tính dựa vào số kế hoạch được phê duyệt bởi các cổ đông tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông Thường niên.

Số trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 đã được điều chỉnh lại theo số thực trích theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông Thường niên. Do đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 đã được tính lại theo số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi điều chỉnh (theo báo cáo trước đây: 3.953 VND/cổ phiếu).

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

Không có biến động số lượng cổ phiếu trong giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 và ngày 30 tháng 6 năm 2019. Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho hai kỳ báo cáo là 641.281.186 cổ phiếu.

**Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

40. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, trong kỳ Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Công ty mẹ cấp trung gian		
BeerCo Limited		
Chi hệ Tập đoàn	-	322.876.070
Công ty mẹ		
Công ty TNHH Vietnam Beverage		
Trả cổ tức	1.202.749.054.500	-
Công ty liên kết, và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát		
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Khánh Hòa		
Bán nguyên vật liệu	92.779.862.954	191.983.136.497
Cung cấp dịch vụ	100.000.000	679.600.000
Mua hàng hóa	276.380.982.780	550.896.231.690
Cổ tức đã nhận	2.600.000.000	3.900.000.000
Giao dịch khác	5.460.000	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang		
Bán nguyên vật liệu	118.588.144.537	218.178.287.689
Cung cấp dịch vụ	100.000.000	649.600.000
Mua hàng hóa	372.236.984.460	709.584.043.991
Cổ tức đã nhận	2.300.000.000	4.600.000.000
Giao dịch khác	17.061.000	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung		
Bán nguyên vật liệu	149.936.954.943	327.167.190.702
Cung cấp dịch vụ	320.000.000	1.117.280.000
Mua hàng hóa	593.450.975.590	1.101.568.091.300
Mua khác	1.341.225.061	-
Chi phí thuê kho	-	175.660.000
Cổ tức đã nhận	-	19.345.177.380
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ		
Bán nguyên vật liệu	76.261.390.292	174.358.403.021
Cung cấp dịch vụ	120.000.000	497.200.000
Bán hàng hóa	-	176.811.818
Mua hàng hóa	231.260.748.600	476.111.180.320
Cổ tức đã nhận	-	8.463.600.000

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long		
Bán hàng hóa	29.060.000	9.547.300
Bán nguyên vật liệu	113.261.336.170	200.260.674.846
Cung cấp dịch vụ	1.721.268.098	799.600.000
Mua hàng hóa	386.152.257.720	670.343.010.816
Tài sản cho thuê	-	61.026.543.585
Cổ tức đã nhận	-	4.500.000.000
Giao dịch khác	-	1.600.858.098
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bến Tre		
Bán nguyên vật liệu	104.926.738.715	169.784.335.627
Bán công cụ và dụng cụ	-	3.388.571.824
Cung cấp dịch vụ	201.232.010	799.600.000
Mua hàng hóa	361.021.039.600	585.970.019.480
Cổ tức đã nhận	4.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây		
Bán nguyên vật liệu	168.874.746.833	314.076.961.148
Cung cấp dịch vụ	2.306.363.636	300.000.000
Mua hàng hóa	548.999.018.560	1.031.773.178.350
Cổ tức đã nhận	-	16.892.450.732
Cổ tức đã trả	900.018.000	5.266.721.400
Giao dịch khác	69.288.720	2.120.003.958
Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn		
Mua hàng hóa	619.731.297.146	877.828.217.637
Giao dịch khác	-	51.993.600
Cổ tức đã nhận	-	128.123.009.996
Công ty TNHH Bao bì San Miguel Yamamura Phú Thọ		
Bán nguyên vật liệu	957.264.000	-
Bán hàng hóa	-	798.420.000
Bán phế liệu	236.645.638	-
Mua nguyên vật liệu	44.838.448.000	57.043.964.718
Công ty TNHH Trung Tâm Mê Linh		
Cổ tức đã nhận	29.987.776.415	29.213.424.951
Cung cấp dịch vụ	870.000.000	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh Lương Thực - Thực phẩm Trường Sa		
Mua hàng hóa	-	2.527.349.800

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô		
Bán nguyên vật liệu	83.045.394.061	161.192.464.742
Bán hàng hóa	54.614.250	139.402.520
Cung cấp dịch vụ	134.400.000	536.000.000
Mua hàng hóa	316.252.046.910	509.710.645.615
Cổ tức đã nhận	5.878.307.000	9.078.299.100
Mua khác	488.988.163	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu		
Bán nguyên vật liệu	27.850.125.230	41.598.845.308
Bán hàng hóa	-	248.423.370
Cung cấp dịch vụ	164.338.784	-
Mua hàng hóa	169.552.940.640	246.944.849.584
Cổ tức đã nhận	2.402.400.000	3.603.600.000
Công ty TNHH Thủy tinh Malaya Việt Nam		
Bán phế liệu	3.611.570.935	-
Mua hàng hóa	-	5.811.015.162
Mua nguyên vật liệu	6.698.127.168	-
Các bên liên quan khác		
Công ty TNHH Lon Nước Giải Khát TBC-Ball Việt Nam		
Mua nguyên vật liệu	280.784.138.538	106.951.121.968
InterBev (Singapore) Limited		
Bán hàng hóa	202.180.750	-
Giao dịch khác	214.472.290	-
Best Spirits Company Limited		
Bán hàng hóa và thành phẩm	-	228.111.930
Công ty TNHH MM Mega Market (Việt Nam)		
Mua hàng hóa	470.888.073	384.928.597
Super Brands Company Pte. Ltd.		
Chi hộ Tập đoàn	1.729.552.487	-
Fraser and Neave, Limited		
Chi hộ Tập đoàn	2.614.076.710	-
Nhân sự quản lý chủ chốt		
Lương, thưởng và các phúc lợi khác	18.700.907.345	15.580.453.858

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)





41. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư

	30/6/2020	1/1/2020
	VND	VND
Mua tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang nhưng chưa thanh toán	182.351.296.037	77.931.721.548

42. Số liệu so sánh

Ngoại trừ việc trình bày lại lãi cơ bản trên cổ phiếu như được trình bày ở Thuyết minh 39, số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày và cho năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2019. Số liệu so sánh cho giai đoạn sáu tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn tại ngày và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

Ngày 28 tháng 8 năm 2020

Người lập:		Người duyệt:	
			
Hoàng Thanh Vân Kế toán	Trần Nguyên Trung Kế toán trưởng	Teo Hong Keng Phó Tổng Giám đốc	Neo Gim Siong Bennett Tổng Giám đốc